

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở tỉnh Bắc Giang
giai đoạn 2021-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 17/TTr-SKHĐT ngày 23/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TH;
 - + Các phòng, TT, đơn vị;
 - + Công Thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

ĐỀ ÁN

Phát triển kinh tế ban đêm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 304 /QĐ-UBND ngày 02 /4/2021
của UBND tỉnh Bắc Giang)

Phần I:**SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ ĐỐI
TƯỢNG, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN****I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Theo cách hiểu phổ biến nhất hiện nay, kinh tế ban đêm (KTBD) là hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra từ 06 giờ tối hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau nhằm phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của con người. KTBD thường bao gồm các hoạt động chính như: giải trí ban đêm (gồm: các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, nhà hát, âm nhạc, các chương trình giải trí, lễ hội, sự kiện), du lịch ban đêm (hoạt động tham quan ở các địa điểm tập trung khách du lịch), dịch vụ ẩm thực ban đêm (gồm: nhà hàng, quán bar,..), và các hoạt động mua sắm (các chợ đêm, khu mua sắm, thương mại,...). Do vậy, KTBD thường phát triển, phổ biến hơn ở các khu vực tập trung đông người như khu đô thị và khu du lịch - dịch vụ.

KTBD đang dần trở thành một trong những động lực tăng trưởng kinh tế mới thông qua thúc đẩy phát triển nhiều ngành nghề kinh doanh cả truyền thống và phi truyền thống, tạo ra nhiều việc làm cho xã hội, tăng thu nhập cho một bộ phận dân cư, đóng góp vào ngân sách nhà nước,... KTBD giúp gia tăng hoạt động kinh tế nhờ tận dụng tối đa thời gian, nâng cao hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, phát huy giá trị văn hóa và đặc biệt kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch. Tuy nhiên, phát triển KTBD cũng có thể kéo theo nhiều hệ lụy tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến khu vực dân cư nếu như không được quy hoạch và quản lý chặt chẽ, hiệu quả, đó là các vấn đề về ô nhiễm tiếng ồn, quá tải dịch vụ công, tội phạm, lai căng văn hóa, an toàn, an ninh, trật tự xã hội...

Thực tế ở nước ta, đã hình thành một số loại hình, hoạt động KTBD như: khu phố đi bộ, khu mua sắm, khu ẩm thực, cửa hàng tiện lợi, chợ đêm, quán bar và một số hoạt động nghệ thuật, giải trí đường phố,... Để chủ động hơn trong phát triển KTBD ở mức độ phù hợp, có thêm cơ hội để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gắn với gia tăng vai trò của tiêu dùng trong nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam.

Đối với tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2015-2020, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, kinh tế trong nước những năm cuối nhiệm kỳ gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; song Bắc Giang vẫn nổi lên là tỉnh có nền kinh tế phát triển năng động,

sáng tạo và khá toàn diện. Năm 2020, Bắc Giang là điểm sáng về tăng trưởng và phục hồi kinh tế, tốc độ tăng trưởng cả năm đứng đầu toàn quốc, tạo lập được các yếu tố cơ bản, đồng bộ để tỉnh tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc. Tuy nhiên, tỷ trọng của ngành dịch vụ trong quy mô nền kinh tế của tỉnh còn thấp, trong đó hoạt động KTBD ở Bắc Giang còn sơ khai, mang tính tự phát, riêng lẻ, manh mún tại một số đô thị và trung tâm huyện, thành phố, chưa được ghi nhận như một mô hình kinh tế có đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua.

Thời gian tới, Bắc Giang chủ trương tập trung thúc đẩy phát triển toàn diện các ngành kinh tế, trong đó công nghiệp là động lực chủ yếu, dịch vụ làm điều kiện thúc đẩy. Với việc phát triển thêm các KCN tập trung, hình thành các khu đô thị mới, tạo tiền đề cho quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh hơn, lực lượng dân số trẻ nhập cư dồi dào, số dân có thu nhập trung bình tăng nhanh, cùng với việc định hướng phát triển du lịch là ngành kinh tế quan trọng, Bắc Giang có điều kiện, tiềm năng để thúc đẩy phát triển KTBD.

Để đón bắt, chuẩn bị cho xu thế phát triển, khai thác các tiềm năng, mang lại cơ hội và động lực phát triển cho nền kinh tế, đặc biệt là phát triển du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; hạn chế các rủi ro, thách thức, hệ lụy phát sinh từ hoạt động KTBD liên quan tới vấn đề tệ nạn xã hội, an ninh trật tự tại địa phương, áp lực cơ sở hạ tầng, ô nhiễm tiếng ồn, rác thải,... việc xây dựng Đề án phát triển KTBD ở Bắc Giang là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai cụ thể Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành phù hợp với tiềm năng, điều kiện của tỉnh Bắc Giang; theo đó sẽ định hướng, thiết lập mục tiêu và giải pháp thúc đẩy phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2030.

2. Yêu cầu

Phát triển KTBD phải phù hợp với chiến lược, định hướng, quy hoạch phát triển dịch vụ của tỉnh; địa điểm, khu vực triển khai các hoạt động, dịch vụ ban đêm phải có tầm nhìn dài hạn, quy hoạch đồng bộ, có lộ trình phát triển và nguồn lực thực thi phù hợp.

Phát triển KTBD để hỗ trợ cho các hoạt động ban ngày, đảm bảo mục đích tạo thêm việc, nâng cao thu nhập, cải thiện dân sinh cho người dân; tạo

động lực lan tỏa cho các ngành khác cùng phát triển, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Nội dung phát triển KTBD phù hợp với nhu cầu, xu thế của thị trường, đáp ứng yêu cầu, nhu cầu tiêu dùng, vui chơi, giải trí của người dân, nhất là lực lượng lao động đang làm việc tại tỉnh. Khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia phát triển KTBD, không áp đặt tư duy chủ quan của cơ quan quản lý.

Phát triển các hoạt động KTBD gắn với đặc trưng, thế mạnh văn hóa, tập quán, nghệ thuật, ẩm thực của tỉnh để hình thành các sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt góp phần thu hút tăng thời gian lưu trú, tăng chi tiêu của du khách; tạo gắn kết cộng đồng, giao lưu xã hội cho người dân và du khách.

Hạn chế tối đa các mẫu thuẫn, xung đột, rủi ro, tác động tiêu cực do phát triển KTBD đến an ninh, an toàn, trật tự xã hội, đời sống nhân dân và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Đối tượng của Đề án:

Các hoạt động thương mại và dịch vụ diễn ra từ 06 giờ tối hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau⁽¹⁾ và chính sách, quy định để quản lý và điều hành đối với hoạt động KTBD.

2. Phạm vi của Đề án:

Tập trung vào lĩnh vực dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí (các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, nhà hát, âm nhạc, chương trình, hoạt động giải trí, lễ hội, sự kiện,...), dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán bar,...), dịch vụ mua sắm (các chợ, khu mua sắm,...) và du lịch (tham quan các địa điểm du lịch, di tích văn hóa, công trình kiến trúc,...) diễn ra từ 06 giờ tối hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2021-2030 nhằm trực tiếp phục vụ nhu cầu vật chất và tinh thần của người dân và du khách.

Phần II:

THỰC TRẠNG, TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BAN ĐÊM

I. PHÁT TRIỂN KTBD Ở MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Thành phố Hà Nội

Năm 2016, thành phố Hà Nội đã xây dựng, triển khai thí điểm không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm và phụ cận UBND thành phố. Khu vực phố cổ, khu vực trên được Thành phố cho phép hoạt động tới 02 giờ sáng và chợ đêm vào 03 ngày cuối tuần; mở phố đi bộ tại khu vực bờ hồ Hoàn Kiếm vào cuối tuần; tổ chức tour du lịch đêm tại Nhà tù Hỏa Lò mang tên “Đêm thiêng liêng sáng ngời tinh thần Việt”; tổ chức các buổi biểu diễn văn hóa nghệ thuật, trong đó có rất nhiều sự kiện lớn với sự tham gia của các tỉnh/thành phố trong nước và quốc tế. Năm 2018, thành phố đã ban hành Quyết định số

¹ Khung giờ theo điểm b, khoản 3, Điều 1, Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 của TTCP phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam.

14/2018/QĐ-UBND ngày 25/05/2018 về Quy chế tạm thời quản lý, tổ chức sự kiện, lễ hội, hoạt động tại Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, trong đó có quy định thời gian tổ chức không quá 23 giờ. Thành phố còn thành lập Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách du lịch nhằm giới thiệu cung cấp thông tin miễn phí các chương trình tour tham quan trên địa bàn thành phố, lắp đặt và vận hành hệ thống wifi miễn phí ở khu vực Hồ Hoàn Kiếm.

2. Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố đã phát triển các khu phố kinh doanh về đêm (âm thực, quán bar, quán café, trình diễn nghệ thuật), đặc biệt là đang có kế hoạch phát triển phố chuyên kinh doanh âm thực về đêm một cách bài bản như: phố Nguyễn Thượng Hiền (quận 3), khu Phan Xích Long, phố người Hoa (quận 5), khu Phú Mỹ Hưng (quận 7),... Nhìn chung, các hoạt động KTBD ở nhiều tuyến phố chưa được quy hoạch, sắp xếp bài bản và các hoạt động vui chơi giải trí có tổ chức chuyên nghiệp như chợ đêm Bến Thành, phố đi bộ Nguyễn Huệ, Bùi Viện,... còn ít.

3. Thành phố Huế

Huế đang triển khai dự án “Sáng và sống” nhằm tạo thêm nhiều dịch vụ về đêm cho khách du lịch và người dân. Thành phố đã đưa vào hoạt động hệ thống chiếu sáng kỳ đài và phố đi bộ. Bên cạnh đó, Thừa Thiên Huế đang xây dựng hình ảnh thành phố “Xanh - Sạch - Sáng” và triển khai các hoạt động gắn với các sự kiện, lễ hội văn hóa - nghệ thuật, các dịch vụ vui chơi, giải trí, âm thực, mua sắm về đêm... như dịch vụ ca Huế trên sông Hương, Đại Nội về đêm, phố đi bộ trực đường Nguyễn Đình Chiểu. Thành phố cũng đã hình thành phố đi bộ khu vực các đường Phạm Ngũ Lão - Chu Văn An - Võ Thị Sáu, đặc biệt đã thí điểm xây dựng các tuyến đường đi bộ hai bên bờ sông Hương và phần sân khấu biểu diễn ngoài trời,...

4. Thành phố Đà Nẵng

Hiện nay Đà Nẵng có nhiều điểm du lịch tổ chức các hoạt động/dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, sự kiện về đêm như: khu Sunworld Đà Nẵng Wonders (Công viên Châu Á), Khu du lịch suối khoáng nóng Núi Thần Tài, sân golf Bà Nà Hills Golf Club, BRG Danang Golf Resort (đến khoảng 22 giờ); khu vui chơi giải trí có thưởng dành cho người nước ngoài tại Crowne Plaza, Furama resort, One Opera (hoạt động 24/24 giờ); các show diễn Charming Đà Nẵng, Áo dài show, Hồn Việt, Trầm tích Sông Hàn, các hoạt động sự kiện lễ hội 02 bên bờ Sông Hàn...; phố đêm, phố đi bộ tại quận Ngũ Hành Sơn (hoạt động đến khoảng 24 giờ); hoạt động bar/vũ trường, tụ điểm ca nhạc (hoạt động đến 02h00 sáng). Ngoài ra, các cơ sở dịch vụ ăn uống dọc các tuyến đường trung tâm hoạt động đến khoảng 23-24h00; các phố chuyên doanh âm thực hoạt động đến khoảng 24h00; các trung tâm thương mại lớn hoạt động đến khoảng 23h00; hệ thống các cửa hàng tiện lợi, chợ đêm, tuyến phố chuyên doanh mua sắm hoạt động đến khoảng 22h00. Thành phố cũng tổ chức các tour du lịch đường thủy nội địa thưởng ngoạn sông Hàn ban đêm với các dịch vụ ngắm cảnh, thưởng thức âm nhạc, âm thực... hoạt động đến 22h00; tour xích lô thưởng ngoạn trung tâm thành phố, đi bộ ngắm cảnh 02 bên bờ sông Hàn, dọc bờ biển Đà Nẵng hoạt

động đến 22h00. Xây dựng, trang trí các điểm nhân kiến trúc để tham quan check-in buổi tối như Cầu Rồng, Cầu Nguyễn Văn Trỗi, SunWheel (Vòng quay mặt trời), Cầu Tình yêu,...

II. THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KTBD Ở TỈNH BẮC GIANG

1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội dân cư

1.1. Điều kiện tự nhiên

Bắc Giang có vị trí thuận lợi, liền kề vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc - trung tâm kinh tế quan trọng của miền Bắc và cả nước; nằm trên hành lang kinh tế phía đông của Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) liên kết thuận lợi với các trung tâm kinh tế, du lịch trong nước (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hải Phòng) và các trung tâm kinh tế, du lịch vùng Đông Nam Trung Quốc (Băng Tường, Nam Ninh).

Bắc Giang có khả năng kết nối thuận lợi với một số điểm du lịch trọng điểm trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ như: Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), Thác Bản Giốc (Cao Bằng), Hạ Long (Quảng Ninh), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương)...

Vị trí địa lý của Bắc Giang tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các tour, tuyến du lịch gắn kết với các khu, điểm du lịch nổi tiếng của miền Bắc, cũng như nằm trên các tour, tuyến du lịch gắn với các tỉnh phía Nam của Trung Quốc.

1.2. Điều kiện về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh có xu hướng tăng cao trong giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn ở mức “hai con số” và luôn nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước. Năm 2020, mặc dù dịch bệnh Covid - 19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh cả nước nói chung và Bắc Giang nói riêng gặp rất nhiều khó khăn, song GRDP cả năm vẫn đạt 13%, cao nhất cả nước. Quy mô nền kinh tế được nâng lên, GRDP năm 2020 ước đạt trên 123,6 nghìn tỷ đồng, gấp gần 2 lần năm 2016. GRDP bình quân/người được nâng lên, năm 2015 mới chỉ đạt 1.530 USD, bằng 72,3% bình quân toàn quốc, đến năm 2020 đạt 2.900 USD, bằng 105,5% bình quân chung toàn quốc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; năm 2020, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 58%, tăng 16,5% so với năm 2015; dịch vụ chiếm 24,4%, giảm 11,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 4,9% xuống còn 17,6%.

Với xu hướng phát triển “nóng” trong công nghiệp giai đoạn 2016-2020, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tăng nhanh làm mờ nhạt đóng góp của ngành dịch vụ, trong đó có ngành du lịch trong quy mô GRDP của tỉnh. Tuy nhiên, với nhiều dự án thu hút đầu tư vào tỉnh, sự phát triển của ngành công nghiệp - xây dựng sẽ kéo theo thu hút nguồn nhân lực nước ngoài, nguồn nhân lực ngoại tỉnh đổ về làm việc tại tỉnh ngày càng tăng, là cơ hội để giới thiệu, quảng bá với người dân trong nước và quốc tế biết đến du lịch Bắc Giang, nhất là cơ hội phát triển loại hình du lịch công vụ, thăm thân, nhu cầu tham gia các hoạt động, sử dụng các dịch vụ về đêm trong thời gian tới.

1.3. Điều kiện về văn hóa, xã hội, dân cư

Bắc Giang là tỉnh có dân số đông, đến năm 2020 dân số của tỉnh là 1.841 nghìn người, trong đó dân số đô thị khoảng 390 nghìn người, chiếm 21,6%. Bắc Giang có 45 thành phần dân tộc, với 257.258 người dân tộc thiểu số, chiếm 14,26% dân số toàn tỉnh. Một số dân tộc thiểu số có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng như Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Cao Lan, Sán Chí, Dao,... với nhiều nét văn hóa đặc sắc.

Bắc Giang là vùng đất cổ, có bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời. Bắc Giang hiện có 2.237 di tích lịch sử, văn hóa trải khắp trên địa bàn toàn tỉnh (trong đó 730 di tích được xếp hạng), có 12 di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc được Bộ VHTTDL đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁽²⁾. Tiêu biểu, nổi bật đó là 05 di tích quốc gia đặc biệt: chùa Vĩnh Nghiêm; chùa Bồ Đà; những điểm khởi nghĩa Yên Thế; Địa điểm Chiến thắng Xương Giang; ATK II - Hiệp Hòa. Đặc biệt, Bắc Giang là một trong những địa phương gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập.

Nghệ thuật trình diễn dân gian của Bắc Giang rất đa dạng và phong phú như Quan họ, Ca trù, dân ca Cao Lan, dân ca Sán Chí,... là những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc. Trong đó, Quan họ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Ca trù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

Bắc Giang hiện có hơn 500 lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm, trong đó có những lễ hội được công nhận là di sản phi vật thể Quốc gia như lễ hội Thổ Hà, lễ hội Yên Thế, lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm. Hầu hết các lễ hội trên địa bàn tỉnh còn mang đậm nét văn hóa truyền thống với nhiều trò chơi dân gian, các hoạt động thể thao ý nghĩa (đấu võ, vật, vật cầu nước...), kết hợp biểu diễn nghệ thuật dân gian như hát Quan họ, hát Ca trù, dân ca Sán Chí, hát Soong hao, hát Then,...

Bắc Giang cũng là nơi còn nhiều làng nghề truyền thống được lưu giữ, bảo tồn và phát triển đến ngày nay với các ngành nghề đa dạng và phong phú như nấu rượu làng Vân, Mây tre đan xã Tăng Tiến, làng bánh đa, kẹo lạc Thổ Hà (huyện Việt Yên); gốm làng Ngòi (huyện Yên Dũng); làng mỳ Chũ (huyện Lục Ngạn); làng bánh đa Ké, làng bún Đa Mai (TP Bắc Giang),...

2. Điều kiện về không gian, hạ tầng và điều kiện khác

Hạ tầng cơ sở của tỉnh đã có những bước phát triển góp phần hỗ trợ, thúc đẩy phát triển du lịch - dịch vụ:

- Giao thông đường bộ: Địa bàn tỉnh có 05 tuyến quốc lộ QL.1A (cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn), QL.31, QL.279, QL.37 và QL.17 chạy qua cùng hệ thống 18 tuyến đường tỉnh lộ cơ bản giúp kết nối thuận lợi với các tỉnh lân cận và từ trung tâm tỉnh tới trung tâm các huyện, các khu, điểm du lịch. Đặc biệt, giai đoạn 2011-2020 đã đầu tư nâng cấp, mở mới được một số tuyến quan trọng như:

² Gồm: Dân ca Quan họ; Ca trù; Nghi lễ Then người Tày, người Nùng tỉnh Bắc Giang; Dân ca Cao Lan xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn; Dân ca Sán Chí xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn; Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm, huyện Yên Dũng; Lễ hội chùa Bồ Đà; Lễ hội Thổ Hà, huyện Việt Yên; Lễ hội Đền Suối Mỡ, huyện Lục Nam; Lễ hội Yên Thế, huyện Yên Thế; Lễ hội ĐìnhVòng, huyện Tân Yên; Lễ hội Y Sơn, huyện Hiệp Hòa).

Tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (QL.1A); mở mới ĐT.293 kết nối từ thành phố Bắc Giang lên thẳng khu vực Tây Yên Tử; Đường vành đai IV (kết nối đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn với Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên); nâng cấp ĐT.289 kết nối Chũ - Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn; đường bê tông kết nối từ QL31 đến cao nguyên Đồng Cao, huyện Sơn Động,... Ngoài ra đã xây dựng một số cầu như cầu Yên Dũng, cầu Lãn Chè, cầu Đông Xuyên, cầu Đáp Cầu, cầu Xuân Cẩm kết nối với tỉnh Bắc Ninh và thành phố Hà Nội.

- Đường thủy nội địa: có 3 sông chính phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh, gồm sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam có thể khai thác phát triển sản phẩm du lịch sông nước gắn với không gian quan họ, các làng quan họ cổ, làng cổ dọc ven sông Cầu.

- Về hạ tầng các điểm tham quan, khu dịch vụ: Hiện Bắc Giang có 01 khu du lịch cấp tỉnh, và 08 điểm du lịch được công nhận³. Tiêu biểu là Khu du lịch sinh thái tâm linh Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà, sân golf Yên Dũng,... là cơ sở quan trọng cho việc hình thành các tour, tuyến du lịch liên tỉnh. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn nhiều dự án đầu tư các khu, điểm du lịch đang triển khai và nghiên cứu, chuẩn bị triển khai như: Dự án Khu sinh thái Khe Hang Dầu (Yên Dũng); Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng (Yên Dũng); Dự án sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang (Lục Nam); Dự án sân golf Việt Yên; Dự án Khu nghỉ dưỡng Sun Resort (Yên Lư, huyện Yên Dũng); Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái thể thao và vui chơi giải trí FLC Bắc Giang (Lục Ngạn); Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, đô thị sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí hồ Hồ Cao (Lạng Giang); Dự án Khu du lịch văn hóa Làng cổ Bắc Bộ (xã Tiên Sơn, Việt Yên); Chùa Bát Nhã (Lục Nam); Khu đô thị kết hợp vui chơi giải trí sân golf phía Đông Nam thành phố Bắc Giang...

- Cơ sở lưu trú: Toàn tỉnh có 460 cơ sở lưu trú với 5.200 buồng lưu trú, trong đó 29 khách sạn (01 khách sạn 4 sao, 03 khách sạn 3 sao, 08 khách sạn 2 sao và 17 khách sạn 1 sao) và 431 nhà nghỉ, ngoài ra có khoảng 10 hộ làm du lịch cộng đồng tại xã Vĩnh An, huyện Sơn Động và xã Xuân Lương, huyện Yên Thế.

- Cơ sở, nhà hàng ăn uống: Tập trung chủ yếu tại trung tâm các huyện, thành phố phục vụ đa dạng các loại món ăn, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ẩm thực của du khách. Một số nhà hàng có quy mô lớn như: Nhà hàng tại Đại Hoàng Sơn Opera Wedding Palace, Nhà hàng Trung Hoa, Nhà hàng Cây Đa, Nhà hàng Rùa Vàng, Nhà hàng Hiền Thi, Nhà hàng Vĩnh Hồ, Nhà hàng Chim trời, Nhà hàng Làng Chài, Nhà khách tỉnh...

- Hệ thống các điểm tham quan, cơ sở vui chơi, giải trí: Tỉnh hiện có 02 bảo tàng, 03 rạp chiếu phim; các công viên, vườn hoa, phim trường chủ yếu tại khu vực thành phố Bắc Giang như: Công viên Hoàng Hoa Thám, Công viên giải trí Wedding Land, Phim trường Rose Garden, Vườn nghệ thuật Sông Thương Garden, Khu vui chơi Sun City,... Ngoài ra có các hoạt động vui chơi giải trí

³ Khu du lịch Suối Mỡ (cấp tỉnh). Các điểm du lịch: Chùa Bồ Đà; Chùa Vĩnh Nghiêm; Sân golf dịch vụ Yên Dũng; Khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám; Du lịch cộng đồng Bản Ven; Địa điểm chiến thắng Xương Giang; Cụm di tích Cây Dã Hương, đình, đền, chùa xã Tiên Lục; Vườn Bonsai Neo Garden - Koifarm Takana

khác chủ yếu hoạt động về đêm như: karaoke, phòng nhạc, massage... tập trung ở khu vực đô thị.

- Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng, cửa hiệu: Hiện có 07 trung tâm thương mại và 07 siêu thị (03 nằm trong TTTM) tập trung chủ yếu tại thành phố Bắc Giang; 133 chợ (02 chợ hạng I, 22 chợ hạng II và 109 chợ hạng III); hệ thống các cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh thương mại, dịch vụ phát triển mạnh bám theo các tuyến phố, khu dân cư.

- Hệ thống ngân hàng, tín dụng: Hiện có 16 chi nhánh ngân hàng thương mại, 76 phòng giao dịch, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đối tượng có nhu cầu tham gia các hoạt động, dịch vụ về đêm ở tỉnh Bắc Giang

3.1. Người dân sở tại, người lao động làm việc trong các doanh nghiệp, KCN trên địa bàn tỉnh

Tổng dân số tỉnh năm 2020 là 1.841,6 nghìn người, trong đó số người đang làm việc trong nền kinh tế của tỉnh là 1.127,1 nghìn người; mức thu nhập bình quân của người lao động trên địa bàn tỉnh là 7,252 triệu đồng/tháng; trong đó, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là 275 nghìn người.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 05 KCN tập trung, 35 cụm công nghiệp đang hoạt động. Số lao động đang làm việc trong các KCN tập trung của tỉnh trên 175 nghìn người, với mức thu nhập bình quân 7,5 triệu đồng/tháng. Riêng số lao động nước ngoài đang làm việc tại tỉnh 6.100 người, trong đó lực lượng chuyên gia 2.500 người; thu nhập bình quân của người lao động, chuyên gia nước ngoài đang làm việc tại tỉnh từ 30 đến 50 triệu đồng/tháng.

Theo khảo sát sơ bộ, số lao động làm việc tại các KCN tập trung của tỉnh đi lại hàng ngày từ nơi ở đến nơi làm việc khoảng 127 nghìn người, chiếm 72,5%; ở nhà tập thể của doanh nghiệp là 7.150 người, còn lại khoảng 40,85 nghìn người cư trú tại quanh các KCN (có nhà riêng, thuê nhà ở). Riêng lực lượng lao động nước ngoài đăng ký tạm trú tại tỉnh khoảng 2.800 người, tập trung ở thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên; còn lại, nhất là lực lượng chuyên gia lựa chọn cư trú, nghỉ ngơi sau giờ làm việc tại Bắc Ninh và Hà Nội.

Về thời gian làm việc, cơ bản các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bố trí thời gian làm việc đối với người lao động là 06 ngày/tuần (số doanh nghiệp có bố trí thời gian nghỉ 01 ngày/tuần cho người lao động chiếm 97%; bố trí nghỉ 02 ngày/tuần cho người lao động khoảng 3%). Số lao động làm việc ca tối, ca đêm tại các KCN chiếm khoảng 30-35% trên tổng số 175.000 lao động trong các KCN.

Với lực lượng đông đảo, mức thu nhập trung bình khá cao, ổn định, tác phong làm việc công nghiệp phân định rõ thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, người lao động làm việc trong các doanh nghiệp, KCN trên địa bàn tỉnh sẽ là đối tượng phục vụ tiềm năng cần hướng đến của các hoạt động KTBD của tỉnh thời gian tới.

3.2. Khách du lịch

Lượng khách du lịch Bắc Giang có sự tăng trưởng qua các năm. Năm 2019 có khoảng 2.026 nghìn lượt khách (chiếm 2,35% tổng khách du lịch cả nước), trong đó khách quốc tế đạt 32,5 nghìn lượt; khách nội địa đạt 1.993,9 nghìn lượt khách chiếm tới 98,55% lượng khách du lịch.

Khách du lịch đến tỉnh chủ yếu là khách phổ thông, với mức chi tiêu tương đối thấp, chủ yếu cho dịch vụ ăn uống, phương tiện di chuyển với thời gian trung bình khoảng 1,5 ngày. Theo số liệu điều tra năm 2019, tổng chi tiêu của khách du lịch đến tỉnh 787 tỷ đồng, tính trung bình là khoảng trên 380 nghìn/hành khách. Trong cơ cấu chi tiêu dành cho dịch vụ ăn uống chiếm 25,4%, chi cho văn hóa thể thao vui chơi giải trí là 20,8%, chi mua hàng hóa quà lưu niệm là 12,6%, chi lưu trú là 12,5%, chi vé thăm quan là 10,1% và chi khác là 12,8%.

Khách đến Bắc Giang chủ yếu tham quan, tham dự lễ hội, lượng khách lưu trú, tham gia các hoạt động, dịch vụ ban đêm còn rất thấp do các loại hình hoạt động, dịch vụ ban đêm của tỉnh hạn chế. Theo kết quả điều tra năm 2019, tổng số lượt khách lưu trú qua đêm tại Bắc Giang là 183 nghìn lượt người, chiếm 9,03% lượt khách du lịch của tỉnh, trong đó khách quốc tế 1.746 lượt, còn lại là khách trong nước.

4. Thực trạng về các hoạt động, dịch vụ KTBD ở tỉnh Bắc Giang

Các hoạt động, dịch vụ KTBD tại tỉnh Bắc Giang chưa sôi động, nổi bật. Các hoạt động văn hoá nghệ thuật còn ít, chỉ tổ chức vào các dịp lễ, tết. Các rạp chiếu phim hoạt động chưa hết công suất, nhiều tối không có khách. Số phòng trà ca nhạc chất lượng còn ít, không duy trì tổ chức thường xuyên, chưa hình thành tụ điểm ca nhạc. Hệ thống các cơ sở karaoke, massage còn phân tán đan xen với các khu, phố dân cư, chưa hình thành khu riêng biệt. Các cơ sở dịch vụ ăn uống⁴ chủ yếu hoạt động trong ngày và kết thúc trước 20 giờ, chỉ một số cơ sở thức ăn đường phố hình thành dọc các tuyến đường, phố trung tâm hoạt động từ 16 giờ đến 23 giờ; và cửa hàng ăn uống, dịch vụ khác tại khu vực quanh các KCN (như My Điện, thị trấn Nénh; Núi Hiều, Quang Châu; Trung Đồng, xã Vân Trung huyện Việt Yên) hoạt động quá 24 giờ, tuy nhiên đều mang tính tự phát, chưa được sắp xếp, quy hoạch. Người tiêu dùng sử dụng dịch vụ ăn uống ban đêm chủ yếu là thanh thiếu niên, công nhân KCN với dịch vụ ăn uống chủ yếu là cung ứng đồ ăn nhanh như thực phẩm nướng, nước giải khát, thức ăn ngay. Hệ thống cửa hàng, cửa hiệu phát triển mạnh tại các trung tâm xã, khu dân cư và bám theo các tuyến đường đáp ứng nhu cầu về sản xuất, tiêu dùng cho nhân dân, trong đó trên 90% là các cửa hàng kinh doanh theo phương thức truyền thống. Số cửa hàng, cửa hiệu kinh doanh theo phương thức văn minh, hiện đại (cửa hàng tiện lợi) phát triển với tốc độ chậm, ít mở cửa sau 22h đêm. Trên địa bàn tỉnh chưa có chợ đêm hay các khu phố đêm, tuyến phố chuyên doanh mua sắm, ẩm thực về đêm ấn tượng, đặc trưng; chưa có các dịch vụ văn hoá nghệ thuật, giải trí để khách trải nghiệm; chưa có các vũ trường; chưa hình thành được các khu tổ hợp vui chơi giải trí tập trung.

⁴ Trên địa bàn tỉnh hiện có 2.075 nhà hàng ăn uống và cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín thuộc ngành y tế quản lý và 925 cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố

Tóm lại, các hoạt động KTBD ở Bắc Giang mới đang dần hình thành trong thời gian gần đây, tuy nhiên vẫn còn manh mún, tự phát dưới các loại hình như khu ẩm thực nhỏ lẻ, quán café, karaoke,... hình thành để phục vụ nhu cầu tối thiểu của một bộ phận giới trẻ và công nhân KCN trong tỉnh. Thời gian mở cửa dịch vụ về đêm còn ngắn, đa số các cơ sở kinh doanh dịch vụ ban đêm đóng cửa trước 22-23h00. Các hoạt động, dịch vụ KTBD chưa đáp ứng được nhu cầu, cũng như chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút khách du lịch và người lao động đang làm việc tại tỉnh tham gia các hoạt động KTBD.

5. Về công tác quản lý nhà nước và các quy định, chính sách liên quan đến hoạt động KTBD

Giống như cả nước, Bắc Giang chưa có một cơ quan hay bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động KTBD. Việc quản lý KTBD được thực hiện bởi các cơ quan theo ngành, lĩnh vực tương tự như hoạt động kinh tế ban ngày, với các hoạt động chủ yếu như: cấp phép đầu tư, đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện; quản lý cấp phép tổ chức sự kiện văn hóa, trình diễn nghệ thuật; giám sát hoạt động thương mại, hướng dẫn thực hiện văn minh thương mại (không buôn bán hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ); giám sát đảm bảo vệ sinh môi trường (thu gom chất thải rắn, đánh giá tác động tiếng ồn tại khu vực); tổ chức phương án chiếu sáng công cộng; đảm bảo an ninh trật tự khu vực, quản lý tạm trú tạm vắng của người dân, người nước ngoài; kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh có điều kiện kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh trật tự,... Nhìn chung, việc quản lý hiện nay giống như phát triển kinh tế bình thường, chưa có ưu tiên phát triển KTBD.

Tỉnh cũng chưa có chính sách khuyến khích hay cơ chế ưu đãi riêng cho phát triển KTBD. Các hoạt động KTBD tuân thủ theo quy định tại các nghị định của Chính phủ như: Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; ...). Hiện tại, Thủ tướng Chính phủ đang giao Bộ Tài chính nghiên cứu các chính sách, biện pháp ưu đãi thuế đối với hoạt động kinh tế ban đêm, các chính sách, biện pháp nhằm tạo nguồn cho các chi phí phát sinh liên quan tới quản lý kinh tế ban đêm; Bộ Công Thương nghiên cứu và xây dựng chính sách thương mại và dịch vụ phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn một số tỉnh/thành phố trọng điểm, trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý II/2021.

III. ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

Chính phủ đã có những chủ trương, chính sách cởi mở hơn để thúc đẩy phát triển các hoạt động dịch vụ, như Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường đã nới rộng thời gian của hoạt động vũ trường đến 02h00 sáng; Quyết

định số 1129/QĐ-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế ban đêm ở Việt Nam tạo tiền đề cho việc hình thành khung chính sách hỗ trợ phát triển KTBD tại Bắc Giang.

KTBD thường phổ biến hơn ở những nơi thu hút nhiều khách du lịch, phát triển công nghiệp, dịch vụ, trong khi Bắc Giang có vị trí địa lý thuận lợi; có nhiều nét văn hóa truyền thống đặc sắc; kết cấu hạ tầng, giao thông kết nối đang được đẩy mạnh đầu tư; thu hút đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở vật chất phục vụ du lịch có nhiều khởi sắc; công nghiệp đang trên đà phát triển nhanh⁽⁵⁾.

Cùng với xu thế phát triển công nghiệp, lao động trẻ đến tỉnh, lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh có xu hướng tăng nhanh, hình thành số đông tầng lớp trung lưu sinh sống, làm việc tại tỉnh sẽ hình thành nhu cầu và tạo mức chi tiêu cao cho các hoạt động về đêm. Bên cạnh đó do các yếu tố về sức trẻ, mong muốn được trải nghiệm, khám phá cao nên sẽ có nhu cầu cao đối với các hoạt động ban đêm.

Bắc Giang đang thực hiện lập quy hoạch tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 là dịp đề rà soát, bố trí các phân khu riêng biệt phù hợp cho phát triển tập trung các hoạt động kinh tế đêm, hạn chế được các tác động tiêu cực đến các khu dân cư, sinh hoạt thường ngày của người dân.

2. Khó khăn, hạn chế

Hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ phát triển KTBD của tỉnh chưa hình thành đồng bộ (hệ thống khách sạn, resort đẳng cấp, đô thị thông thoáng, các khu điểm vui chơi, giải trí quy mô lớn đặc sắc...); chưa phát triển được các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng cho KTBD; chưa có khu vực được quy hoạch riêng biệt dành cho phát triển KTBD; một số địa điểm có hoạt động, dịch vụ ban đêm (karaoke, bar, mua sắm, ăn uống,...) quy mô còn nhỏ, nằm rải rác, xen lẫn với khu dân cư, sử dụng nhiều không gian công cộng, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

Phát triển KTBD bài bản đòi hỏi phát triển hàng loạt dịch vụ đi kèm khác như dịch vụ vận tải, giao thông công cộng vào khung giờ đêm, thương mại, bảo vệ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường; phát triển nguồn nhân lực phục vụ... những vấn đề này hiện tại chưa được định hướng phát triển đồng bộ.

Chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm làm du lịch xây dựng các tổ hợp dịch vụ vui chơi giải trí, nhất là giải trí về đêm, khu mua sắm, ẩm thực cũng như các chương trình biểu diễn nghệ thuật quy mô, đặc sắc nhằm thu hút và giữ chân du khách.

Nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn trong phục vụ hoạt động KTBD còn ít.

Nhận thức và tư duy về phát triển KTBD của cán bộ và người dân địa phương còn chưa đồng bộ. Người dân chưa quen các sinh hoạt về đêm là thách thức đặt ra trong vận động cộng đồng dân cư cùng chung tay phát triển KTBD. Ý thức tự giác, văn minh đô thị của một bộ phận người dân chưa cao. Bên cạnh đó, với lo ngại về những vấn đề tiêu cực phát sinh từ hoạt động KTBD dẫn đến

⁵ Hiện Bắc Giang có 05 KCN đang hoạt động. Vừa qua TTCP đồng ý bổ sung mới: KCN Yên Lư (377ha), KCN Yên Sơn-Bắc Lũng (300ha), KCN Tân Hưng (105,3ha); mở rộng: KCN Quang Châu (tăng 90ha), KCN Hòa Phú (tăng 85ha), KCN Việt Hàn (tăng 148ha).

những rào cản, quy định trong quản lý làm hạn chế sự phát triển các loại hình kinh doanh ban đêm.

Thời gian hoạt động kinh tế dịch vụ về đêm còn khá bó buộc làm hạn chế khả năng cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí về đêm; hiện chưa có mô hình tổ chức quản lý nhà nước phù hợp với đặc thù phát triển KTBD.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Khái niệm, phạm vi KTBD còn khá mới mẻ, chưa được nhìn nhận đầy đủ và nhất quán ở Việt Nam. Việc xác định phạm vi cũng như giới hạn các lĩnh vực KTBD hiện chưa cụ thể. Tư duy văn hóa và cách quản lý truyền thống dẫn đến lo ngại về những vấn đề tiêu cực phát sinh từ hoạt động KTBD.

Do bản chất mới mẻ của khái niệm KTBD nên trong thời gian qua tỉnh chưa triển khai các cơ chế, chính sách riêng về phát triển KTBD; chưa quy hoạch, xây dựng được không gian phát triển KTBD riêng và đồng bộ với các hệ thống hạ tầng hỗ trợ như: giao thông, điện, nước, vệ sinh môi trường,...

Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn chế, trong khi phát triển KTBD là lĩnh vực phức tạp, mang tính chất dài hạn, cần nhiều nguồn lực và thời gian để nghiên cứu và thực hiện.

Tiến độ thực hiện các dự án du lịch còn chậm, chưa nhiều nhà đầu tư tiềm năng vào đầu tư tại tỉnh dẫn đến chưa hình thành được các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu để thu hút khách du lịch, giữ chân khách du lịch lưu trú tại tỉnh.

Phần III:

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BAN ĐÊM Ở TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG PHÁT TRIỂN KTBD

Tác động từ dịch Covid-19 sẽ làm tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm với tốc độ nhanh và có nguy cơ nghiêm trọng hơn trong trường hợp dịch tiếp tục kéo dài. Rủi ro suy giảm kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế giảm tốc tại nhiều đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam như: EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc có thể ảnh hưởng tới dòng vốn đầu tư, nhu cầu xuất khẩu của Việt Nam và từ đó ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Tuy nhiên, với quyết tâm cao thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, của Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX; với việc kiểm soát tốt dịch bệnh Covid - 19, cùng với chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường; phát triển du lịch trở

thành ngành kinh tế quan trọng... dự báo Việt Nam nói chung, Bắc Giang nói riêng sẽ có nhiều cơ hội đón dòng FDI mới, chất lượng tạo đà cho bứt phá, đổi mới, phát triển.

Cùng với xu hướng bùng nổ nhanh chóng của tầng lớp trung lưu của các quốc gia trên khắp khu vực Châu Á, tầng lớp trung lưu của Việt Nam cũng tăng lên. Năm 2018, tầng lớp trung lưu chiếm khoảng 16,3% dân số Việt Nam, với mức sống từ 15 USD/ngày trở lên, đang dành nhiều tiền và thời gian để tận hưởng cuộc sống. Dự báo đến năm 2030, Việt Nam sẽ có khoảng 40% dân số thuộc tầng lớp trung lưu, và đến năm 2035 là 50%. Khác với các thế hệ trước, tầng lớp trung lưu hiện nay có xu hướng chi tiêu nhiều hơn, thậm chí tiêu trước trả sau thông qua thẻ tín dụng,... Bên cạnh đó, theo khảo sát của The Conference Board và Niesel cho thấy 43% tiền nhàn rỗi của người tiêu dùng Việt Nam được sử dụng cho mục đích giải trí. Trong đó, tiêu dùng cho giải trí nhiều nhất đến từ bộ phận giới trẻ trung lưu hoặc thuộc các gia đình trung lưu trở lên. Các đối tượng này thường thích các hoạt động trải nghiệm về đêm tại các điểm đến tập trung đông người.

Vùng TDMN, vùng ĐBSH, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đang có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài tốt, hệ thống hạ tầng kinh tế khung của vùng được đầu tư và phát triển khá đồng bộ; các tỉnh, thành phố lân cận như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hòa Bình, Bắc Ninh, Lạng Sơn cũng đang trên đà đổi mới, phát triển mạnh mẽ, có tác động lan tỏa, tương hỗ với sự phát triển của tỉnh. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã dần hình thành được các cụm tuyến liên kết sản xuất công nghiệp, trung tâm du lịch lớn với vai trò dẫn dắt là những doanh nghiệp hàng đầu thế giới mở ra cơ hội hợp tác và tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu và các cụm, tuyến du lịch cao hơn không chỉ đối với vùng Bắc bộ nói chung mà còn đối với tỉnh Bắc Giang.

Khả năng kết nối bằng đường hàng không ngày càng tăng, giá cước vận tải cũng giảm dần, tạo điều kiện khách quốc tế đến Việt Nam tăng. Xu hướng này đặc biệt thuận lợi cho Vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du miền núi phía Bắc, trong đó có Bắc Giang.

Nhận thức về vai trò của du lịch và phát triển KTBD đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã có những chuyển biến tích cực theo hướng nhìn nhận phát triển KTBD ở Việt Nam là hết sức cần thiết nhằm tận dụng những ưu thế của một quốc gia có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nền ẩm thực đa dạng, phong phú, cùng môi trường an ninh trật tự được duy trì tốt, rất thuận tiện để thúc đẩy các hoạt động du lịch và kinh tế dịch vụ.

Những lợi ích trên dự báo sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng và du lịch trong những năm tới.

II. DỰ BÁO NHU CẦU PHÁT TRIỂN DU LỊCH, DỊCH VỤ, HOẠT ĐỘNG KTBD TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2030

Giai đoạn 2021-2030, dự báo các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài, nhất là bên trong có khá nhiều thay đổi có tính đột phá cho phát triển tỉnh. Quản lý hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, cơ chế chính sách được cải cách, đổi mới tích cực, phát huy được nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh. Kết cấu hạ tầng quan trọng như hạ tầng giao thông kết nối các khu vực trong tỉnh, hạ

tầng khu công nghiệp, đô thị được nâng cấp, mở rộng nhanh và đồng bộ, mang tính hiện đại hóa. Hạ tầng giao thông liên vùng qua tỉnh được nâng cấp, xây dựng nhanh theo tiến độ, hoàn thành tuyến đường vành đai 4 Vùng Thủ đô kết nối đi qua tỉnh trong năm 2022, đường vành đai 5 đi qua tỉnh trước năm 2025. Xu hướng lan tỏa các dự án đầu tư từ trung tâm Vùng Thủ đô Hà Nội ra xung quanh, xu hướng dịch chuyển, đầu tư dự án sản xuất, mở rộng chuỗi cung ứng sản phẩm đến Việt Nam của nhiều nhà đầu tư nước ngoài ngày càng tăng lên trong thời kỳ 10 năm tới.

Thời kỳ tới, theo xu hướng mở rộng, phát triển nhanh hơn nhiều ngành lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, nhất là phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung số lượng có thể tăng lên gấp 2- 3 lần hiện nay. Lao động trong lĩnh vực công nghiệp sẽ tiếp tục tăng nhanh, hiện năm 2020 có khoảng 275 nghìn lao động (trong KCN khoảng 175 nghìn lao động), ước tính nhu cầu lao động công nghiệp đến năm 2030 khoảng trên 600 nghìn lao động (trong KCN 430 nghìn lao động, ngoài KCN 170 nghìn lao động). Lực lượng lao động trẻ, có nguồn thu nhập khá, ổn định sẽ có nhu cầu cao về các hoạt động trải nghiệm về đêm tại các điểm đến tập trung đông người.

Hệ thống khu du lịch, khu dịch vụ thể thao, giải trí được phát triển tầm mức vùng, trong đó có 3- 4 khu du lịch, 8- 10 khu dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí cao cấp, hiện đại có sức hấp dẫn thu hút khách trong và ngoài Vùng Thủ đô Hà Nội; thu hút đón được 7- 7,5 triệu lượt khách du lịch vào năm 2030, tăng thêm khoảng 5 triệu lượt khách so với năm 2020.

KTBD vẫn còn là một lĩnh vực tương đối mới mẻ ở Việt Nam, hiện chưa có địa phương nào thật sự xây dựng thương hiệu KTBD đặc sắc. Do đó, Bắc Giang có lợi thế để đi đầu trong việc xây dựng thương hiệu KTBD đặc trưng, cạnh tranh với một số khu vực đã phát triển KTBD như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh...

III. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KTBD

1. Quan điểm

Chủ động phát triển KTBD là phù hợp với xu hướng phát triển chung nhằm góp phần tận dụng tối đa thời gian, tạo thêm những cơ hội cho tăng trưởng kinh tế, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế, đồng thời phục vụ tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương, người lao động đang làm việc trên địa bàn tỉnh và du khách.

KTBD là hoạt động liên mạch với các hoạt động kinh tế diễn ra vào ban ngày, không tách rời của nền kinh tế. Trước mắt, phát triển KTBD nhằm thúc đẩy tiêu dùng và phát triển du lịch, thông qua tập trung phát triển lĩnh vực dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí (các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, nhà hát, âm nhạc, chương trình giải trí, lễ hội, sự kiện,...), dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán bar,...), dịch vụ mua sắm (các chợ, khu mua sắm,...) và du lịch (tham quan các địa điểm du lịch, di tích văn hóa, công trình kiến trúc,...) diễn ra trong khoảng thời gian ban đêm tối đa theo các quy định hiện hành⁽⁶⁾ và sẽ mở rộng từ 06 giờ

⁶ Các Nghị định của Chính phủ: số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong

tối hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau khi hoàn thiện các điều kiện về cơ sở hạ tầng, dịch vụ và được sự đồng ý của Trung ương.

Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương thức quản lý xã hội trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm quốc tế và các tỉnh trong cả nước để mạnh dạn ưu tiên cho các hoạt động KTBD phát triển thuận lợi và dựa trên nguyên tắc thị trường, không áp đặt tư duy chủ quan của cơ quan quản lý.

Trú trọng, quan tâm nâng cao nhận thức và năng lực của địa phương, doanh nghiệp và người dân về KTBD, trên cơ sở đó thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp vào phát triển KTBD một cách bền vững; đồng thời chung tay cùng cơ quan nhà nước quản lý, xử lý hiệu quả các rủi ro, hệ lụy tiêu cực từ hoạt động KTBD.

Xác định đối tượng phục vụ của KTBD: người dân, khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế, trong đó, đối tượng chính là các chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài, người lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hoạt động KTBD trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, xây dựng Bắc Giang trở thành điểm đến sôi động, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu làm việc, vui chơi giải trí, mua sắm, thưởng thức ẩm thực, trải nghiệm cuộc sống về đêm của người dân và du khách; qua đó thúc đẩy ngành dịch vụ, du lịch phát triển mạnh mẽ thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, đồng thời lan tỏa phát triển các ngành kinh tế khác, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của tỉnh Bắc Giang ở khu vực.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Bắc Giang hình thành được ít nhất 01 khu vực tổ hợp vui chơi, giải trí ban đêm sôi động riêng biệt.

- Phát triển ít nhất 03 khu vực tập trung hệ thống các cửa hàng, trung tâm mua sắm, phố ẩm thực, nhà hàng dịch vụ ăn uống,... quy mô lớn hoạt động vào cả ban đêm địa bàn quanh các khu công nghiệp của tỉnh đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, vui chơi, giải trí của người dân.

- Hình thành ít nhất 03 tour, tuyến du lịch đặc sắc kết hợp dịch vụ ẩm thực, văn hóa phục vụ khách du lịch với thời gian lưu trú trung bình từ 3-4 ngày;

- Phát triển ít nhất 04 sản phẩm vui chơi, giải trí, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc mang tính biểu tượng về đêm.

- Các huyện, thành phố có khu phố đi bộ/khu phát triển hoạt động KTBD tập trung gắn với các nét đặc trưng của địa phương.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTBD Ở TỈNH BẮC GIANG

1. Phát triển các địa bàn tập trung phát triển KTBD

Rà soát, khảo sát, chọn lọc tổ chức khai thác các khu vực, dịch vụ cho phát triển KTBD (trên cơ sở sẵn có hoặc quy hoạch mới), trong đó ưu tiên triển khai sắp xếp, tổ chức lại các điểm vui chơi giải trí (quán ăn đường phố, quán

bar, karaoke, massage...) theo hướng tập trung tại một số khu vực trọng điểm xác định là khu vực phát triển KTBD của huyện, thành phố. Phần đầu đến năm 2030 các huyện, thành phố hình thành được các khu vực phát triển KTBD gắn với các nét đặc trưng của địa phương, đảm bảo mỹ quan, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, có tính hấp dẫn, đồng thời hạn chế tối thiểu ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của người dân.

Quy hoạch, tạo quỹ đất, tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư, triển khai các dự án phục vụ phát triển KTBD. Ưu tiên đầu tư xây dựng hình thành khu vực tổ hợp vui chơi, giải trí ban đêm riêng biệt, gắn với các hoạt động, dịch vụ giải trí sôi động, hiện đại dành cho giới trẻ như: bar, sàn nhảy, karaoke, nhà hàng, địa điểm nhạc “sóng” (trực tiếp), chăm sóc sức khỏe, làm đẹp (spa, massage, nail...), trò chơi điện tử, trình diễn thời trang, biểu diễn nghệ thuật, tham quan mua sắm về đêm (chợ đêm),... và các khu dịch vụ tập trung với hệ thống các cửa hàng, trung tâm mua sắm, khu phố ẩm thực, nhà hàng dịch vụ ăn uống... quy mô lớn, gắn với các khu đô thị, khu dân cư, nhất là khu vực quanh các KCN, khu vực tập trung đông dân cư.

Hình thành và duy trì tốt các tuyến phố đi bộ về đêm trên địa bàn các huyện, thành phố. Trước mắt, tập trung hình thành tổ chức, duy trì tốt các tuyến phố đi bộ có điều kiện, tiềm năng phát triển tại thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên, như: Tuyến phố đi bộ - Khu đô thị phía Nam, xã Tân Tiến (sau Trung tâm Thương mại BigC); Khu phố ban đêm Tổ dân phố My Điền, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên,...

2. Định hướng về sản phẩm, dịch vụ phục vụ phát triển KTBD

Bắc Giang sẽ nghiên cứu, triển khai phát triển KTBD với đủ, đa dạng các dịch vụ, hoạt động về đêm, gồm:

2.1. Hoạt động văn hóa - vui chơi giải trí

Tại tổ hợp giải trí ban đêm riêng biệt tổ chức các hoạt động, dịch vụ vui chơi, giải trí sôi động, hiện đại dành cho giới trẻ như: casino, bar, pub, vũ trường, karaoke, nhà hàng, nhạc “sóng” (trực tiếp), spa, massage, nail, trò chơi điện tử, trình diễn thời trang, biểu diễn nghệ thuật, tham quan mua sắm,... đảm bảo đáp ứng thị hiếu, nhu cầu của du khách.

Tổ chức các tuyến phố đi bộ với hoạt động, dịch vụ ban đêm như tham quan “check in”, vui chơi giải trí, trò chơi dân gian, ẩm thực, mua sắm, biểu diễn nghệ thuật đường phố, diễu hành màu sắc, ánh sáng đường phố,...

Tại các khu du lịch, cơ sở lưu trú du lịch quy mô khuyến khích đầu tư và nâng cấp dịch vụ ban đêm như: cà phê, bar, pub, karaoke, massage...

Nghiên cứu, xây dựng phương án tổ chức định kỳ các sự kiện văn hóa, giải trí (như: lễ hội, nhạc hội, diễu hành carnival, lễ hội ánh sáng, vũ hội đường phố, chương trình âm nhạc quy tụ các nghệ sĩ nổi tiếng...) vào ban đêm gắn với các sự kiện văn hóa, lịch sử của tỉnh như: Lễ hội kỷ niệm chiến thắng Xương Giang, Lễ hội kỷ niệm khởi nghĩa Yên Thế, Lễ hội Tây Yên Tử, Lễ hội trái cây huyện Lục Ngạn, Lễ hội chùa Thổ Hà,...

Khuyến khích rạp chiếu phim, các phòng trà ca nhạc tổ chức thường xuyên và kéo dài thời gian hoạt động về đêm.

2.2. Dịch vụ ăn uống

Nghiên cứu phương án hình thành các chợ hoặc tuyến phố chuyên đề ẩm thực phục vụ khách du lịch, trong đó có kết hợp các hoạt động mua bán và thưởng thức ẩm thực chế biến tại chỗ.

Khuyến khích các nhà hàng, quán ăn, cà phê giải khát kéo dài thời gian hoạt động về đêm.

2.3. Dịch vụ mua sắm

Hình thành các khu phố mua sắm, các trung tâm thương mại... và vận động các cơ sở, địa điểm kéo dài thời gian hoạt động về đêm; thu hút các thương hiệu nổi tiếng có gian hàng tại Bắc Giang.

Khuyến khích các cửa hàng tiện lợi mở cửa 24/24, đặc biệt là tại các khu vực phát triển KTBD, khu vực trung tâm.

2.4. Dịch vụ du lịch

Đề nghị các đơn vị lữ hành tổ chức chương trình tour tham quan, tour khám phá ẩm thực Bắc Giang, chế biến, quan sát, mua sắm đặc sản; phát triển tuyến du lịch đi bộ (walking tour), tour xích lô...

Phát triển ít nhất 04 sản phẩm vui chơi, giải trí, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc mang tính biểu tượng về đêm theo hai hướng, một là gắn với xu hướng, thị hiếu của giới trẻ hiện đại, hai là khai thác các nét đẹp văn hóa, lịch sử của Bắc Giang (quan họ, then, ca trù, lễ hội truyền thống,...).

Hình thành ít nhất 03 tour, tuyến du lịch đặc sắc kết hợp dịch vụ ẩm thực, văn hóa phục vụ khách du lịch với thời gian lưu trú trung bình từ 3-4 ngày gắn với các địa điểm du lịch, văn hóa, lịch sử của tỉnh như: Khu du lịch sinh thái tâm linh Tây Yên Tử, chùa Vĩnh Nghiêm, Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng,... các tour trải nghiệm sự thân thiện trong sinh hoạt của đồng bào dân tộc tại các khu du lịch cộng đồng.

2.5. Các dịch vụ thiết yếu để phục vụ phát triển KTBD

Khuyến khích các cửa hàng thuốc mở gần các khu phát triển KTBD và kéo dài thời gian hoạt động để cung cấp các sản phẩm cần thiết về chăm sóc sức khoẻ.

Đối với dịch vụ giao thông vận tải, bên cạnh hệ thống giao thông công cộng, khuyến khích các hãng taxi, xe vận chuyển du lịch cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp với giá phù hợp trong khung giờ ban đêm cho du khách.

3. Đào tạo nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực với đòi hỏi về những kỹ năng đặc thù: Ngoài các chuyên ngành đào tạo về quản trị khách sạn, lữ hành, nhà hàng, nghiệp vụ lễ tân, buồng phòng, chế biến món ăn... cần tập trung đào tạo các kỹ năng đặc thù phục vụ phát triển KTBD như trình diễn ẩm thực, biểu diễn nghệ thuật đường phố, phục vụ casino,...

Nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng cho nguồn nhân lực: Trước mắt, ưu tiên sử dụng người dân địa phương, tuy nhiên cần rà soát để có hướng đào tạo nâng cao nghiệp vụ du lịch, kỹ năng phục vụ khách và đặc biệt là ngoại ngữ để phục vụ các thị trường khách quốc tế như: Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á,...

Đối với nguồn nhân lực phục vụ KTBD khác: Ngoài một bộ phận phục vụ trực tiếp trong các hoạt động du lịch còn cần đào tạo, tập huấn kỹ năng đến một

bộ phận làm việc trong các ngành phụ trợ như vận tải, y tế, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường,... phục vụ hoạt động về đêm.

4. Tổ chức hoạt động, thực hiện quy định hành chính

Nghiên cứu ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển KTBD thuộc thẩm quyền của địa phương.

Xây dựng và áp dụng quy định về quản lý, đầu tư khai thác, kinh doanh hoạt động, dịch vụ phục vụ phát triển KTBD.

Thành lập và xây dựng quy chế hoạt động của ban chỉ đạo phát triển KTBD. Chính quyền các cấp xây dựng phương án bố trí thêm nhân sự và triển khai các nhiệm vụ ngoài giờ hành chính phục vụ hoạt động KTBD.

Nghiên cứu đề xuất kéo dài thời gian tổ chức các hoạt động dịch vụ ban đêm ở các khu vực, địa bàn và khu, điểm du lịch trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thành phố phù hợp với lợi thế, điều kiện, khả năng đáp ứng của các cơ sở hạ tầng hỗ trợ, khả năng bố trí nguồn lực, huy động, thu hút đầu tư, đảm bảo an toàn, an ninh, trật tự xã hội.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về phát triển KTBD

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước, chính quyền địa phương hướng đến tư duy mở, nhìn nhận đa chiều về vai trò, cơ hội, thách thức của KTBD. Theo đó, nếu được quản lý tốt KTBD sẽ đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, khai thác triệt để tiềm năng hoạt động du lịch, dịch vụ, mua sắm, ẩm thực, góp phần quảng bá văn hóa, con người và vị thế của tỉnh Bắc Giang.

Tuyên truyền, phổ biến tạo sự đồng thuận của người dân và khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động KTBD, với vai trò vừa là người cung cấp vừa là người trải nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

Tạo kênh tiếp nhận thông tin về phát triển KTBD tại các huyện, thành phố để người dân và du khách đóng góp ý tưởng, giải pháp phát triển KTBD, giải pháp hạn chế rủi ro từ hoạt động KTBD.

Xây dựng các chương trình truyền hình, phóng sự về những lợi ích mà KTBD mang lại và giải pháp hạn chế những rủi ro có thể xảy ra (ANNT, VSMT, VSATTP...), thông qua đó, kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp và mỗi người dân địa phương chung tay phát triển KTBD phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương và lợi ích của cộng đồng.

Xây dựng, phổ biến về bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch, văn minh đô thị đến người dân, du khách và cộng đồng doanh nghiệp kinh doanh du lịch, dịch vụ.

2. Giải pháp về quy hoạch các khu vực, địa bàn tập trung phát triển KTBD

Rà soát, phê duyệt (điều chỉnh lại nếu cần) các quy hoạch phát triển, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai, quy hoạch phân khu chức năng,... để đảm bảo thống nhất, không bị chòng chéo, chỉ rõ được các khu vực, địa điểm phù hợp gần với các KCN, khu vực đông dân cư để triển khai mô hình phát triển KTBD trên địa bàn; thiết kế bản đồ các khu vực phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh.

Quy hoạch hình thành các khu phát triển KTBD gắn với quy hoạch kiến trúc, xây dựng hạ tầng, phương án tổ chức giao thông, đảm bảo an ninh, an toàn đô thị, đảm bảo nguồn điện, nước, hệ thống thu gom, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường,...

Khu vực quy hoạch tập trung phát triển KTBD phải có phương án đảm bảo kết nối với các khu vực trung tâm, khu vệ tinh gồm các tuyến đi bộ, quảng trường mở, hạ tầng giao thông tĩnh, phù hợp với văn hóa (khu vui chơi giải trí sôi động cần tránh xa các di tích lịch sử, văn hóa) và tách biệt với các khu vực trường học, nhà dân.

3. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KTBD

Ưu tiên dành nguồn lực đầu tư công để đầu tư và tập trung hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kết nối tới khu vực được quy hoạch phát triển KTBD (như: hạ tầng giao thông, điện, nước, internet,...); đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa - triển lãm - hội chợ tỉnh; tu bổ, tôn tạo các điểm di tích (chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Thổ Hà, địa điểm khởi nghĩa Yên Thế, ATKII Hiệp Hòa,...); cầu cảng Á Lữ, cảng chùa Vĩnh Nghiêm...

Đầu tư xây dựng các công trình tạo điểm nhấn về đêm tại các quảng trường, công viên trung tâm, khu vực cảnh quan.

Kêu gọi đầu tư các cơ sở lưu trú, nhất là các khách sạn cao cấp đáp ứng nhu cầu lưu trú của khách du lịch.

Trang trí, hình thành các tuyến đường ánh sáng nghệ thuật nhằm tạo ra sự khác biệt, sức hấp dẫn để thu hút người dân và du khách về đêm, trước mắt tổ chức một số vị trí phù hợp trên các tuyến phố đi bộ đã định hướng ở trên.

Rà soát, nâng cấp hạ tầng thông tin liên lạc, đặc biệt bổ sung hệ thống wifi công cộng tại các khu vực tập trung đông du khách và người dân về đêm; triển khai lắp đặt các trạm phát sóng di động ngay trang tại các khu vực phát triển KTBD.

Rà soát, nghiên cứu đề xuất phương án đảm bảo hạ tầng kỹ thuật môi trường tại mỗi khu vực, nhất là hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải; hạ tầng thu gom và xử lý chất thải, rác thải; hệ thống nhà vệ sinh công cộng.

Lập và triển khai phương án tổ chức giao thông, đảm bảo kết nối thuận lợi cho người dân, du khách và người lao động tham gia các hoạt động về đêm (thời gian tắt đèn giao thông, hệ thống giao thông công cộng, hệ thống giao thông tĩnh...). Nghiên cứu đề xuất tổ chức các tuyến xe buýt trợ giá đến các khu vực tổ hợp giải trí ban đêm riêng biệt được phê duyệt.

4. Giải pháp về phát triển các lĩnh vực dịch vụ KTBD

Nghiên cứu, tham khảo, học tập các mô hình phát triển KTBD trên thế giới, ở Việt Nam và tình hình thực tế tại tỉnh để xây dựng các loại hình dịch vụ, hoạt động về đêm tại khu vực tổ hợp giải trí ban đêm riêng biệt mang tính đặc sắc, đảm bảo đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của du khách. Đối với các hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước (như casino, trò chơi có thưởng, máy trò chơi điện tử có thưởng, bàn trò chơi có thưởng,...) cần có kế hoạch thu hút đầu tư cụ thể.

Rà soát các điểm di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và các loại hình nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn tỉnh, thống kê các địa điểm vui chơi giải

trí về đêm đang hiện hữu; đề xuất giải pháp tháo gỡ hoặc quy định tạm thời để tạo cơ sở pháp lý phát triển các loại hình giải trí.

Nghiên cứu tổ chức các loại hình nghệ thuật biểu diễn phục vụ khách du lịch vào ban đêm, một số sự kiện văn hóa riêng biệt, có thể tổ chức định kỳ, cố định tại các điểm du lịch để tạo điểm nhấn văn hóa, vui chơi về đêm; mở rộng thời gian hoạt động của một số địa điểm văn hóa lịch sử khai thác vào ban đêm (Địa điểm chiến thắng Xương Giang, Khu du lịch Tây Yên Tử...).

Ngoài các khu vực tổ hợp giải trí ban đêm riêng biệt, các huyện, thành phố xây dựng phương án sắp xếp, chuyển dần các cơ sở hiện hữu và cơ sở cấp phép mở mới đối với quán bar, karaoke, phòng trà ca nhạc, chuỗi cửa hàng ăn đêm, phố ẩm thực đêm,... theo hướng tập trung tại một số khu vực trọng điểm được xác định là khu vực phát triển mô hình KTBD (có thể lựa chọn trên cơ sở khu dân cư hiện hữu có tiềm năng); có phương án tổ chức hoạt động bài bản phục vụ khách; ban hành quy định thí điểm kéo dài thời gian hoạt động các cơ sở kinh doanh quán bar, karaoke, massage... để tạo cơ sở pháp lý phát triển các loại hình giải trí về đêm.

Xây dựng kế hoạch, giải pháp liên kết thương mại, đầu tư xây dựng, hình thành các chợ, siêu thị, trung tâm mua sắm (trung tâm thương mại), nhà hàng, cửa hàng tiện lợi tại khu vực tập trung phát triển KTBD.

Khuyến khích phát triển chuỗi cửa hàng ăn đêm, chuỗi cửa hàng mua sắm hiện đại, tiện tích, khu trưng bày sản phẩm, quà lưu niệm mở cửa hoạt động tối đa theo khung giờ quy định.

Xây dựng sản phẩm du lịch đêm dựa trên yếu tố văn hóa bản địa, tạo điểm nhấn theo đặc trưng địa phương (lựa chọn các loại hình dịch vụ, các địa điểm mang tính biểu tượng để thu hút khách du lịch).

Phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm văn hóa, ẩm thực, ngắm cảnh đêm kết hợp vui chơi giải trí; mở rộng đầu tư phát triển khu phố du lịch, phát triển mạng lưới các cơ sở dịch vụ gắn với các khu, điểm du lịch; chú trọng phát triển sản phẩm và xây dựng thương hiệu du lịch có sức cạnh tranh cao trong khu vực.

Khuyến khích, hỗ trợ thanh toán online, thanh toán qua QR code, hạn chế sử dụng tiền mặt, hỗ trợ chương trình kích cầu tham quan, mua sắm, vui chơi, giải trí về đêm.

5. Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển KTBD

Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư phát triển các hoạt động và dịch vụ vui chơi, giải trí, mua sắm và du lịch về đêm. Trong đó, tập trung kêu gọi thu hút, triển khai các dự án đầu tư tổ hợp vui chơi giải trí tổng hợp quy mô lớn (với các hạng mục đầu tư tối thiểu như: khách sạn, khu dịch vụ, du lịch, thương mại, vui chơi giải trí, casino, trung tâm tổ chức sự kiện,...) để hình thành điểm nhấn tại các khu vực quy hoạch riêng biệt cho phát triển KTBD.

Đồng thời, nghiên cứu xây dựng một số cơ chế, chính sách khuyến khích cung cấp, phát triển các hoạt động, dịch vụ tập trung tại một số khu vực trọng điểm được xác định là khu vực phát triển mô hình KTBD tại các huyện, thành

phổ như: hỗ trợ miễn phí sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè; hỗ trợ miễn phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và đảm bảo an ninh trật tự; hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ quản lý và nhân viên phục vụ KTBD; hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá sản phẩm KTBD; trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đến các khu vực được tỉnh lựa chọn phát triển KTBD; hỗ trợ lãi suất vay; hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ tại các chợ đêm,...

Nghiên cứu ban hành quy định về kéo dài thời gian tổ chức các hoạt động dịch vụ ban đêm, nhất là tại một số khu vực địa bàn và khu, điểm du lịch hấp dẫn.

6. Tăng cường xúc tiến, quảng bá và liên kết hợp tác phát triển KTBD

Xây dựng phóng sự, các bài viết quảng bá, video, tập gấp, chuyên mục về KTBD và các hoạt động, dịch vụ về đêm tại Bắc Giang trên các kênh truyền thông, mạng xã hội...

Lồng ghép nội dung quảng bá KTBD vào các chương trình xúc tiến du lịch, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, ngoại giao của tỉnh; chương trình hợp tác liên kết với các địa phương để quảng bá KTBD.

Lựa chọn cụ thể các doanh nghiệp uy tín, giàu kinh nghiệm trong việc tham gia phát triển hoạt động KTBD để Tỉnh tập trung thu hút mời gọi đầu tư, xây dựng quan hệ đối tác bền vững với Tỉnh.

7. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ KTBD

Triển khai các Bộ tiêu chí chuẩn chuyên nghiệp trong phục vụ khách cho các đơn vị kinh doanh du lịch, dịch vụ, hướng dẫn viên...

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành dịch vụ, thương mại, văn hoá, du lịch, môi trường, an ninh, quản lý thị trường, chính quyền địa phương, doanh nghiệp về kỹ năng quản lý hoạt động KTBD, kiến thức về đổi mới nhận thức tư duy để phát triển KTBD.

Tổ chức các lớp đào tạo về kỹ năng phục vụ, ngoại ngữ, văn hóa ứng xử trong du lịch... cho các hộ dân, người lao động tham gia KTBD.

Đào tạo ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý khai thác, phát triển KTBD; sử dụng công nghệ tự động hóa (máy bán hàng tự động...) trong cung cấp các dịch vụ, sản phẩm phục vụ du khách.

8. Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng dịch vụ

Lập và triển khai hiệu quả phương án đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho người dân và du khách, cứu hộ cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm tại khu vực tổ chức các hoạt động, dịch vụ ban đêm.

Bố trí lực lượng công an túc trực, tuần tra làm nhiệm vụ giữ vững an ninh, an toàn, lực lượng cứu hộ, cứu nạn và hỗ trợ, hướng dẫn tại các khu vực được quy hoạch phát triển KTBD. Lắp đặt các trạm gác an ninh cho lực lượng công an địa phương tại các khu vực tổ chức hoạt động dịch vụ, giải trí ban đêm, kết hợp các quầy thông tin du lịch.

Lắp đặt các bảng chỉ dẫn, thông tin đường dây nóng để hỗ trợ người dân và du khách tham gia hoạt động KTBD trên địa bàn tỉnh. Đầu tư lắp đặt camera

tại một số khu vực phát triển KTBD để giám sát, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người dân và du khách.

Xây dựng và triển khai các quy trình phòng chống dịch đảm bảo an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch.

Triển khai các nhiệm vụ đảm bảo vệ sinh môi trường, bố trí thùng rác và hệ thống nhà vệ sinh công cộng đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân và du khách.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đo lường cường độ âm thanh, phát hiện các cơ sở có cường độ âm thanh lớn hơn mức cho phép, áp dụng chế tài xử lý đối với các cơ sở vi phạm. Đồng thời, khuyến khích sử dụng các chất liệu chống tiếng ồn trong xây dựng nhà cửa cũng như các cơ sở kinh doanh dịch vụ KTBD.

Xây dựng và tuyên truyền bộ quy tắc về các tiêu chí đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng dịch vụ đối với các đơn vị hoạt động KTBD và cấp chứng nhận đối với các đơn vị đáp ứng đủ các điều kiện, đồng thời hỗ trợ công tác tuyên truyền quảng bá... đối với các đơn vị này.

9. Đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với KTBD

Chỉ đạo phát triển KTBD xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã; phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý hoạt động KTBD. Đề xuất và triển khai mô hình quản lý hoạt động KTBD phù hợp với lợi thế, điều kiện của từng địa phương, khu vực.

Xây dựng quy chế quản lý, nội quy tại các khu vực, điểm tham quan... có hoạt động KTBD (đối với người dân, khách du lịch, đơn vị kinh doanh và đơn vị quản lý).

Bố trí nhân sự và kinh phí để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ phục vụ phát triển KTBD.

Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu thống kê về hoạt động KTBD trên địa bàn tỉnh.

Đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý thị trường, quy định về tiêu chuẩn, quy cách, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm...

Thường xuyên khảo sát, thu thập ý kiến của người dân, du khách và các đơn vị hoạt động KTBD để tạo cơ sở dữ liệu, kịp thời điều chỉnh, xây dựng các định hướng, chiến lược phát triển KTBD cho phù hợp với tình hình thực tế.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan

Căn cứ những nhiệm vụ chủ yếu trong Đề án và nhiệm vụ được phân công (tại phụ lục kèm theo), các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện; gửi Sở kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, tổng hợp báo cáo.

Lồng ghép phổ biến, quán triệt quan điểm, mục tiêu và giải pháp phát triển KTBD trong các văn bản, chính sách, đề án, chương trình có liên quan được phân công soạn thảo. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của cán bộ, công chức, viên chức về phát triển KTBD.

Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định để tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ phát triển KTBD đối với hoạt động có liên quan

tới ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý (như: hỗ trợ miễn phí sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè; hỗ trợ miễn phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và đảm bảo an ninh trật tự; hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ quản lý và nhân viên phục vụ KTBD; hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá sản phẩm KTBD; hỗ trợ lãi suất vay; hỗ trợ đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ tại các chợ đêm,...).

Thường xuyên theo dõi, nghiên cứu các chính sách, biện pháp phát triển các loại hình, hoạt động KTBD ở trong và ngoài nước để rút ra kinh nghiệm, bài học phù hợp trong lĩnh vực điều hành, quản lý của sở, ban, ngành.

Tăng cường phối hợp kiểm tra liên ngành đối với các hoạt động KTBD như: văn hoá - nghệ thuật, cung cấp thực phẩm, giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, du lịch, bán lẻ...

Rà soát, đánh giá các chính sách, khung pháp lý, các mức thuế phí đang được áp dụng cho địa phương, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhằm thu hút các nguồn lực cho phát triển KTBD.

Chủ động lồng ghép các nội dung, các lĩnh vực phát triển KTBD thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của sở, ngành, địa phương vào quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các địa phương.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phát triển, hoàn thiện các sản phẩm, loại hình hoạt động, dịch vụ vui chơi, giải trí cụ thể, phù hợp với lợi thế, điều kiện thực tế của tỉnh và nhu cầu, thị hiếu của du khách.

Nghiên cứu, xác định các tour, tuyến, điểm, khu du lịch có thể khai thác, cung cấp các sản phẩm du lịch về đêm; làm đầu mối phối hợp với các công ty lữ hành để khảo sát, đánh giá nhu cầu sử dụng sản phẩm về đêm của du khách trong nước và quốc tế.

Đề xuất phát triển các sản phẩm du lịch mới; phối hợp với các huyện, thành phố xây dựng các chương trình quảng bá, đẩy mạnh xúc tiến du lịch, quảng bá các hoạt động KTBD, thu hút đầu tư, thu hút khách du lịch nhằm quảng bá thương hiệu và hình ảnh tỉnh Bắc Giang.

Nghiên cứu tham mưu ban hành quy định về quản lý, đầu tư khai thác, kinh doanh hoạt động, dịch vụ phục vụ phát triển KTBD tại các điểm văn hóa, lịch sử, vui chơi giải trí công cộng.

Nghiên cứu, chỉ đạo các huyện, thành phố triển khai tổ chức các hoạt động ban đêm tại các khu vực phát triển KTBD theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể thao, vui chơi giải trí về đêm trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu tổ chức hoạt động biểu diễn, các sự kiện văn hóa nghệ thuật, thể thao; lồng ghép đề xuất các sự kiện ban đêm trong việc xây dựng và triển khai các sự kiện, lễ hội văn hóa đặc sắc hàng năm, thiết lập chuỗi sự kiện xuyên suốt trong năm; bổ sung các dịch vụ phục vụ du khách tại các điểm văn hóa lịch sử mở cửa về đêm; tổ chức các hoạt động văn hóa, sự kiện tại các phố đi bộ để tạo điểm nhấn văn hóa, vui chơi về đêm.

Đề xuất phương án sắp xếp, tổ chức lại các điểm dịch vụ vui chơi giải trí theo hướng tập trung tại một số khu vực trọng điểm được xác định là khu vực phát triển KTBD.

Chủ trì nghiên cứu, tham mưu đề xuất ban hành quy định về kéo dài thời gian tổ chức các hoạt động dịch vụ ban đêm trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan tích hợp các cụm/khu vực trọng điểm, riêng biệt phát triển KTBD vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch vùng huyện; tham mưu phương án quy hoạch phân khu chức năng cụ thể cho các khu vực này làm cơ sở kêu gọi đầu tư hình thành các khu tổ hợp giải trí ban đêm quy mô, đặc sắc.

Phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức trang trí ánh sáng nghệ thuật trên một số tuyến đường, tạo ra sự khác biệt, sức hấp dẫn để thu hút người dân và du khách về đêm.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng chính sách thương mại và dịch vụ phù hợp để thúc đẩy phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh; tham mưu rà soát, hoàn thiện thống nhất hệ thống văn bản về quy định hoạt động, quản lý hoạt động vào ban đêm của các loại hình chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chuyên doanh,... để tạo điều kiện cho các cơ sở, đơn vị tham gia tích cực, hiệu quả vào phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ phát triển đa dạng hóa sản phẩm, hàng hóa, chú trọng khuyến khích phát triển các nhóm mặt hàng mang tính truyền thống, vùng miền, thiết thực để phục vụ du khách.

Nghiên cứu, tổ chức các hoạt động, sự kiện kích cầu mua sắm ban đêm; vận động các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kéo dài thời gian phục vụ vào ban đêm.

Phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh đảm bảo công tác quản lý thị trường, quy định về tiêu chuẩn, quy cách, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm...

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu các giải pháp nhằm tạo nguồn chi cho các chi phí phát sinh liên quan tới công tác quản lý nhà nước cho phát triển KTBD.

Phối hợp với các sở, ban, ngành nghiên cứu tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cung cấp, phát triển các hoạt động, dịch vụ tập trung tại một số khu vực trọng điểm phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với UBND các huyện, thành phố (có hoạt động KTBD) và các cơ quan liên quan khảo sát, xác định các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt để tăng tính kết nối tới những địa điểm phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh; tham mưu tổ chức, triển khai thực hiện việc đưa xe 4 bánh có gắn động cơ sử dụng năng lượng điện hoặc động cơ xăng hoạt động thí điểm vận chuyển hành khách trong khu vực hạn chế (khu vực hoạt động KTBD) theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu trình UBND tỉnh phương án giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá đi và đến các khu vực hoạt động KTBD trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn, đảm bảo vệ sinh môi trường; hướng dẫn chuyên môn, đôn đốc cơ quan quản lý môi trường các địa phương kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn phát triển KTBD.

Xây dựng và triển khai các giải pháp giảm thiểu tác động do chất thải và tiếng ồn từ hoạt động KTBD ảnh hưởng đến khu dân cư, đặc biệt tại những địa điểm, địa bàn tập trung phát triển KTBD.

Tích hợp các cụm/khu vực trọng điểm, riêng biệt phát triển KTBD vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo quỹ đất, loại đất phù hợp để kêu gọi đầu tư hình thành các khu tổ hợp giải trí ban đêm quy mô, đặc sắc.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Nghiên cứu, tham mưu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư hình thành các tổ hợp, khu vực riêng biệt phát triển KTBD trên địa bàn tỉnh (giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để đấu giá, hỗ trợ xây dựng hạ tầng kết nối,...).

Lồng ghép nội dung xúc tiến đầu tư, quảng bá KTBD vào các chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh.

Phối hợp với Cục Thống kê và các đơn vị có liên quan tham mưu bổ sung các chỉ tiêu thống kê hoạt động KTBD để theo dõi quản lý.

Theo dõi, giám sát việc lồng ghép các nội dung về phát triển KTBD vào các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư công đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển KTBD.

Là cơ quan thường trực theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án này trên cơ sở nội dung báo cáo do các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, các đơn vị liên quan gửi về định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6) và cả năm (trước 15/11).

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về lao động, việc làm, thanh tra, kiểm tra lao động nhằm đảm bảo môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động làm việc về đêm trên địa bàn tỉnh.

Lồng ghép nội dung đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTBD vào kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chung của tỉnh hằng năm và theo giai đoạn.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

Rà soát, nâng cấp hạ tầng thông tin liên lạc, đặc biệt bổ sung hệ thống wifi công cộng tại các khu vực tập trung đông du khách và người dân về đêm, trong đó triển khai lắp đặt các trạm phát sóng di động ngay trang tại khu vực phát triển KTBD.

Chủ trì tổ chức thực hiện công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển KTBD; truyền thông về văn hoá ứng xử, vấn đề cảnh quan môi trường, an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường để phát triển KTBD và du lịch nói chung theo hướng bền vững, hiện đại.

11. Sở Tư pháp

Phối hợp với các sở, ban, ngành rà soát, phân tích và đánh giá các chính sách pháp luật liên quan để tham mưu ban hành các chính sách, quy định nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động KTBD trên địa bàn tỉnh.

12. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn tại các địa bàn tổ chức hoạt động KTBD, hạn chế những ảnh hưởng, tác hại trong quá trình phát triển KTBD đối với xã hội; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phân công lực lượng thường trực đảm bảo an ninh, trật tự tại các địa bàn phát triển KTBD.

Tổ chức thực hiện công tác truyền thông về tác hại của ma túy và các chất gây nghiện đối với sức khỏe và tương lai của mỗi người, đặc biệt chú trọng truyền thông tới các cơ sở kinh doanh đêm ý thức tuân thủ đạo đức kinh doanh.

13. Cục Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan nghiên cứu bổ sung các chỉ tiêu thống kê hoạt động KTBD (như: về số cơ sở có hoạt động dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, ăn uống, thương mại về đêm; doanh thu vui chơi giải trí, ăn uống, du lịch, tiêu dùng về đêm; số lượt khách du lịch; số lượt khách các cơ sở lưu trú phục vụ; số ngày sử dụng buồng, giường,...) vào kế hoạch điều tra, thống kê của tỉnh hàng năm.

14. Sở Y tế

Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan tăng cường thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với hoạt động KTBD, đặc biệt là các khu vực trọng điểm phát triển KTBD có phục vụ ăn uống.

15. UBND các huyện, thành phố

Nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển KTBD tại địa phương trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng các yếu tố ảnh hưởng, phù hợp với lợi thế, điều kiện, khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng hỗ trợ, nhu cầu cung cấp các sản phẩm về đêm, khả năng bố trí nguồn lực và huy động doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể có tiềm năng phục vụ KTBD tham gia, khả năng thu hút đầu tư ở từng địa điểm cụ thể.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cải thiện hệ thống hạ tầng đô thị trên địa bàn, trong đó chú trọng hệ thống chiếu sáng, chiếu sáng nghệ thuật tại các khu vực công cộng, vỉa hè, thoát nước, cảnh quan, cây xanh, hạ tầng giao thông công cộng, bãi đỗ xe, chợ đêm...

Chịu trách nhiệm tích hợp quy hoạch các cụm/khu vực trọng điểm, riêng biệt phát triển KTBD vào quy hoạch vùng huyện, thành phố và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện,...; thực hiện giải phóng mặt bằng các cụm/khu vực trọng điểm, riêng biệt được quy hoạch phát triển KTBD phục vụ kêu gọi đầu tư.

Hình thành và tổ chức duy trì tốt, thường xuyên các tuyến phố đi bộ về đêm trên địa bàn theo lộ trình đề ra.

Ngoài các khu vực quy hoạch phát triển thành tổ hợp giải trí ban đêm riêng biệt trên địa bàn, các huyện, thành phố xây dựng, triển khai phương án sắp xếp, chuyển dần các cơ sở hiện hữu và cơ sở cấp phép mở mới đối với quán bar, karaoke, phòng trà ca nhạc, chuỗi cửa hàng ăn đêm, phố ẩm thực đêm,... theo hướng tập trung tại một số khu vực trọng điểm được xác định là khu vực phát triển mô hình KTBD (có thể lựa chọn trên cơ sở khu dân cư hiện hữu có tiềm năng); có phương án tổ chức hoạt động bài bản phục vụ khách với khung thời gian hoạt động cụ thể, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho du khách, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, cảnh quan khu vực, đồng thời hạn chế tối thiểu ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt của người dân.

Thực hiện phân công, bố trí lực lượng chuyên trách để quản lý hoạt động KTBD đảm bảo phù hợp.

16. Đề nghị Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Bắc Giang

Tăng cường hướng dẫn các đơn vị kinh doanh tại các khu vực phát triển KTBD cách thức thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho khách hàng thông qua các phương tiện cho POS, QR CODE... theo đúng quy định của pháp luật./.

(có biểu phân công nhiệm vụ chủ yếu kèm theo)